TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C, TỈNH T**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**
Số: 282/2020/QĐST-HNGĐ	*C, ngày 28 tháng 8 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 496/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

* Người yêu cầu:

1. Anh **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Ấp L, xã M, huyện C, tỉnh T.

2. Chị **Mai Thị L**, sinh năm 1998.

- Nơi ĐKHKTT: Ấp L, xã M, huyện C, tỉnh T.

Địa chỉ: Ấp C, xã T, thành phố M, tỉnh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và trong quá trình giải quyết vụ việc, chị Mai Thị L và anh Nguyễn Văn D trình bày:

[1] Do quen biết và có sự tìm hiểu nhau trước nên anh chị xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh T vào năm 2016.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được đến tháng 6 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, không hợp tính tình, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc .

Anh chị đã ly thân với nhau từ tháng 6 năm 2020 cho đến nay.

Nay anh chị yêu cầu Tòa án cho anh chị được thuận tình ly hôn với nhau.

[2] Về con chung: Có 02 con chung tên là Nguyễn Hoàng Gia H, sinh ngày 05/4/2016 và Nguyễn Hoàng Nam T, sinh ngày 27/3/2019 hiện con chung do chị L nuôi dưỡng. Khi ly hôn anh chị thỏa thuận như sau:

+ Anh D nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng Gia H, sinh ngày 05/4/2016.

+ Chị L nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng Nam T, sinh ngày 27/3/2019.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

[3] Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung.

[4] Về nợ chung: Anh chị không có nợ chung.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Văn D và chị Mai Thị L phải chịu 300.000đồng tiền lệ phí Hôn nhân sơ thẩm, anh chị đã tạm nộp 300.000đồng theo biên lai thu số 0003859, ngày 04/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh T nên được cấn trừ xem như anh chị đã thực hiện xong phần lệ phí.

Xét thấy: Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 20 tháng 8 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về tình cảm: Anh Nguyễn Văn D và chị Mai Thị L thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung tên là Nguyễn Hoàng Gia H, sinh ngày 05/4/2016 và Nguyễn Hoàng Nam T, sinh ngày 27/3/2019 hiện con chung do chị L nuôi dưỡng. Khi ly hôn anh chị thỏa thuận như sau:

+ Anh Nguyễn Văn D nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng Gia H, sinh ngày 05/4/2016.

+ Chị Mai Thị L nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng Nam T, sinh ngày 27/3/2019.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Anh Nguyễn Văn D và chị Mai Thị L được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

- Về án phí: Anh Nguyễn Văn D và chị Mai Thị L phải chịu 300.000đồng tiền lệ phí Hôn nhân sơ thẩm, anh chị đã tạm nộp 300.000đồng theo biên lai thu số 0003859, ngày 04/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh T nên được cấn trừ xem như anh chị đã thực hiện xong phần lệ phí.

3. Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Kim Ngọc Giàu